

**BỘ Y TẾ**  
**TRUNG TÂM MUA SẮM**  
**TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA**

Số: **99** /TTMS-NVĐT

V/v hướng dẫn xây dựng, tổng hợp  
nhu cầu thuốc đấu thầu tập trung cấp  
quốc gia giai đoạn 2026-2028

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày **04** tháng **02** năm 2026

Kính gửi:

- Sở Y tế các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương/  
Đơn vị mua sắm tập trung địa phương;
- Y tế các Bộ/Ngành;
- Các Bệnh viện/viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế.

Ngày 20/4/2024, Bộ trưởng Bộ Y tế đã ban hành Thông tư số 04/2024/TT-BYT quy định danh mục mua sắm tập trung cấp quốc gia đối với thuốc (*50 danh mục thuốc*). Để đáp ứng nhu cầu thuốc kịp thời phục vụ công tác khám, chữa bệnh của các cơ sở y tế sau khi kết thúc thời gian thực hiện Hợp đồng và Thỏa thuận khung của các gói thầu đấu thầu tập trung cấp quốc gia giai đoạn 2024-2026, Trung tâm tiến hành tổ chức đấu thầu các thuốc thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp quốc gia giai đoạn 2026-2028 để cung cấp cho các cơ sở y tế sử dụng trong 24 tháng, Trung tâm hướng dẫn các đơn vị tổng hợp nhu cầu thuốc của các cơ sở y tế như sau:

1. Danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp quốc gia giai đoạn 2026-2028 (*Phụ lục kèm theo*).

2. Căn cứ và yêu cầu xây dựng kế hoạch sử dụng thuốc:

- Căn cứ tình hình mua thuốc, sử dụng thuốc của năm trước liền kề.
- Phù hợp nhu cầu sử dụng, mô hình bệnh tật và phân tuyến kỹ thuật.
- Xây dựng chi tiết từng thuốc, từng nhóm và phân chia tiền độ theo từng đợt (mỗi đợt 03 tháng).

- Dự trù số lượng thuốc sử dụng trong thời gian 24 tháng.

3. Hướng dẫn tổng hợp nhu cầu thuốc:

a. Đối với Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương/Đơn vị mua sắm tập trung cấp địa phương:

- Hướng dẫn các cơ sở y tế trên toàn tỉnh (bao gồm các cơ sở y tế trực thuộc; các cơ sở y tế tư nhân và các cơ sở y tế Bộ/ngành trên địa bàn) xây dựng kế hoạch sử dụng thuốc theo biểu mẫu trên phần mềm của Trung tâm tại địa chỉ: *ttms.moh.gov.vn*.

- Đơn vị mua sắm tập trung cấp địa phương tổ chức rà soát, tổng hợp nhu cầu, báo cáo Sở Y tế thẩm định nhu cầu sử dụng thuốc của tất cả các cơ sở y tế trên toàn tỉnh (bao gồm các cơ sở y tế trực thuộc; các cơ sở y tế tư nhân và các cơ sở y tế Bộ/ngành trên địa bàn).

b. Đối với các cơ quan quản lý y tế các Bộ/Ngành:

- Hướng dẫn các cơ sở y tế trực thuộc xây dựng kế hoạch sử dụng thuốc phù hợp với nhu cầu sử dụng, mô hình bệnh tật, tình hình sử dụng thuốc của các năm trước gửi Sở Y tế các tỉnh, thành phố nơi đơn vị đóng trên địa bàn/Đơn vị mua sắm tập trung địa phương để tổng hợp và gửi cơ quan quản lý Y tế Bộ/Ngành để báo cáo.



- Phối hợp với Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương/Đơn vị mua sắm tập trung địa phương trong việc tổng hợp nhu cầu sử dụng thuốc của các đơn vị trực thuộc.

c. Đối với các bệnh viện/viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế:

Xây dựng kế hoạch sử dụng thuốc theo biểu mẫu tại phần mềm của Trung tâm có địa chỉ: [ttms.moh.gov.vn](http://ttms.moh.gov.vn) trên cơ sở ý kiến Hội đồng thuốc và điều trị của đơn vị, gửi về Trung tâm để tổng hợp.

d. Để có thể thao tác chính xác trên hệ thống phần mềm của Trung tâm, các đơn vị có thể tham khảo cách lập dự trù thuốc tại địa chỉ: [ncdp.vn](http://ncdp.vn) (tại mục: Hướng dẫn các phần mềm).

4. Các tài liệu đề nghị gửi kèm theo:

a. Đối với các cơ sở y tế có đề xuất nhu cầu:

- Công văn đề xuất sử dụng thuốc kèm theo cam kết sử dụng tối thiểu 80% số lượng đã lập kế hoạch, cam kết chịu trách nhiệm về số lượng dự trù các thuốc theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 20 Thông tư 40/2025/TT-BYT.

- Kế hoạch sử dụng thuốc theo biểu mẫu trên phần mềm của Trung tâm (Chi tiết tại biểu mẫu 01 kèm theo)

- Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện kết quả lựa chọn nhà thầu, tình hình sử dụng thuốc của năm 2025, số lượng thuốc tồn kho và số lượng trong kế hoạch chưa thực hiện tại thời điểm lập dự trù của các cơ sở y tế (Chi tiết tại biểu mẫu 02 kèm theo). Giải trình tóm tắt nhu cầu mua sắm của thuốc đang đề nghị, trường hợp có số lượng tăng trên 30% so với số lượng đã sử dụng của kỳ trước liền kề phải giải trình thuyết minh cụ thể theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Thông tư 40/2025/TT-BYT.

- Biên bản họp của Hội đồng thuốc và điều trị về danh mục, số lượng thuốc, nhu cầu sử dụng thuốc của cơ sở y tế.

b. Đối với các đơn vị tổng hợp nhu cầu:

- Công văn và kế hoạch sử dụng thuốc theo biểu mẫu trên phần mềm của các cơ sở y tế đã được Sở Y tế thẩm định/Đơn vị mua sắm tập trung địa phương (Chi tiết tại biểu mẫu 03 kèm theo).

- Bảng tổng hợp số lượng đề xuất chung của toàn tỉnh theo biểu mẫu trên phần mềm (Chi tiết tại biểu mẫu 04 kèm theo).

- Biên bản họp của Sở Y tế về việc rà soát, thống nhất về danh mục, số lượng nhu cầu mua sắm thuốc của các cơ sở y tế đóng trên địa bàn (kèm theo toàn bộ tài liệu liên quan đề xuất nhu cầu thuốc của các cơ sở y tế).

Đề nghị Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Y tế các bộ, ngành, các bệnh viện/viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế triển khai thực hiện. Báo cáo xin gửi về Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia trước ngày **20/03/2026**, địa chỉ: 138A Giảng Võ, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội. Trong quá trình xây dựng và tổng hợp dự trù thuốc nếu có vướng mắc xin liên hệ Phòng Nghiệp vụ Đấu thầu, Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia, SĐT: 024.6273.2383 hoặc liên hệ số điện thoại cán bộ đầu mối các miền: miền Bắc (DS Huỳnh: 0987.616.516); miền Trung và khu vực Tây Nguyên: (ThS Đạt: 0888.379.655); miền Nam (DS Pháp: 0787.744.738).

Nếu quá thời hạn trên mà Trung tâm không nhận được báo cáo, Trung tâm sẽ không chịu trách nhiệm tổng hợp nhu cầu của các đơn vị gửi chậm và hiểu là các đơn



*[Handwritten signature]*

vị không có nhu cầu sử dụng. Sở Y tế các tỉnh, thành phố; y tế các bộ ngành; các bệnh viện/viện có giường bệnh trực thuộc Bộ phải chịu trách nhiệm về việc không có thuốc sử dụng cho việc khám, chữa bệnh của đơn vị mình.

Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia kính đề nghị đồng chí Giám đốc Sở Y tế, Thủ trưởng đơn vị chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị, cá nhân có liên quan khẩn trương triển khai thực hiện.

Trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- TT. Lê Đức Luận (để báo cáo);
- GD Lê Thành Công (để báo cáo);
- Lưu: VT, NVĐT.

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Đại Hùng**





**PHỤ LỤC: DANH MỤC THUỐC ĐẦU THẦU TẬP TRUNG CẤP QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2026 - 2028**

TT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Đơn giá tạm tính (VND)
1	C08CA01.0 1.01.N1	Amlodipine	Nhóm 1	5mg	Uống	Viên	Viên	800
2	C08CA01.0 1.01.N2	Amlodipine	Nhóm 2	5mg	Uống	Viên	Viên	777
3	J01CR02.0 2.01.N1	Amoxicilin ; Clavulanic Acid	Nhóm 1	875mg ;125mg	uống	viên	viên	6.350
4	J01CR02.0 2.01.N2	Amoxicilin ; Clavulanic Acid	Nhóm 2	875mg ; 125mg	uống	viên	viên	5.250
5	J01CR02.0 1.01.N1	Amoxicilin; Clavulanic acid	Nhóm 1	500mg; 125mg	Uống	Viên	Viên	4.190
6	J01CR02.0 1.01.N2	Amoxicilin; Clavulanic acid	Nhóm 2	500mg; 125mg	Uống	Viên	Viên	4.190
7	C10AA05.0 1.01.N1	Atorvastatin	Nhóm 1	10mg	uống	viên	viên	900
8	C10AA05.0 1.01.N2	Atorvastatin	Nhóm 2	10mg	uống	viên	viên	305
9	C10AA05.0 2.01.N1	Atorvastatin	Nhóm 1	20mg	uống	viên	viên	1.700
10	C10AA05.0 2.01.N2	Atorvastatin	Nhóm 2	20mg	uống	viên	viên	349
11	C07AB07.0 1.01.N1	Bisoprolol fumarate	Nhóm 1	5mg	uống	viên	viên	695
12	C07AB07.0 1.01.N2	Bisoprolol fumarate	Nhóm 2	5mg	uống	viên	viên	600
13	L01BC06.0 1.01.N1	Capecitabine	Nhóm 1	500mg	uống	viên	viên	18.900
14	L01BC06.0 1.01.N2	Capecitabine	Nhóm 2	500mg	uống	viên	viên	7.400
15	J01DB04.0 1.01.N1	Cefazoline	Nhóm 1	1000mg	tiêm/ truyền	Thuốc tiêm	Chai/lọ	22.000
16	J01DB04.0 1.01.N2	Cefazoline	Nhóm 2	1000mg	tiêm/ truyền	Thuốc tiêm	Chai/lọ	17.325
17	J01DE01.0 2.06.N1	Cefepime	Nhóm 1	1000mg	tiêm/ truyền	thuốc tiêm	Chai/lọ	40.950
18	J01DE01.0 2.06.N2	Cefepime	Nhóm 2	1000mg	tiêm/ truyền	thuốc tiêm	Chai/lọ	26.383
19	J01DD01.0 2.06.N1	Cefotaxime	Nhóm 1	1000mg	tiêm/ truyền	thuốc tiêm	Chai/lọ	12.390
20	J01DD01.0 2.06.N2	Cefotaxime	Nhóm 2	1000mg	tiêm/ truyền	thuốc tiêm	Chai/lọ	6.993
21	J01DD01.0 1.06.N1	Cefotaxime	Nhóm 1	2000mg	tiêm/ truyền	thuốc tiêm	Chai/lọ	24.675
22	J01DD01.0 1.06.N2	Cefotaxime	Nhóm 2	2000mg	tiêm/ truyền	thuốc tiêm	Chai/lọ	14.259
23	J01DD02.0 2.06.N1	Ceftazidime	Nhóm 1	1000mg	tiêm/ truyền	thuốc tiêm	Chai/lọ	19.488
24	J01DD02.0 2.06.N2	Ceftazidime	Nhóm 2	1000mg	tiêm/ truyền	thuốc tiêm	Chai/lọ	14.910
25	J01DD02.0 1.06.N1	Ceftazidime	Nhóm 1	2000mg	tiêm/ truyền	thuốc tiêm	Chai/lọ	37.989
26	J01DD02.0 1.06.N2	Ceftazidime	Nhóm 2	2000mg	tiêm/ truyền	thuốc tiêm	Chai/lọ	25.914
27	J01DD04.0 1.06.N1	Ceftriaxone	Nhóm 1	1000mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/lọ	26.300
28	J01DD04.0 1.06.N2	Ceftriaxone	Nhóm 2	1000mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/lọ	9.660
29	J01DC02.0 3.06.N1	Cefuroxime	Nhóm 1	750mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/lọ	9.888
30	J01DC02.0 3.06.N2	Cefuroxime	Nhóm 2	750mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/lọ	9.888
31	J01DC02.0 4.06.N1	Cefuroxime	Nhóm 1	1500mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/lọ	16.464
32	J01DC02.0 4.06.N2	Cefuroxime	Nhóm 2	1500mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/lọ	14.800



TT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Đơn giá tạm tính (VND)
33	J01DB01.0 1.01.N1	Cephalexine	Nhóm 1	500mg	Uống	Viên	Viên	2.795
34	J01DB01.0 1.01.N2	Cephalexine	Nhóm 2	500mg	Uống	Viên	Viên	1.350
35	J01MA02.0 1.01.N1	Ciprofloxacin	Nhóm 1	500mg	Uống	Viên	Viên	9.190
36	J01MA02.0 1.01.N2	Ciprofloxacin	Nhóm 2	500mg	Uống	Viên	Viên	1.500
37	J01FA09.01 .01.N1	Clarithromycin	Nhóm 1	500mg	uống	viên	viên	16.280
38	J01FA09.01 .01.N2	Clarithromycin	Nhóm 2	500mg	uống	viên	viên	14.700
39	B01AC04.0 1.01.N1	Clopidogrel	Nhóm 1	75mg	Uống	Viên	Viên	3.000
40	B01AC04.0 1.01.N2	Clopidogrel	Nhóm 2	75mg	Uống	Viên	Viên	2.800
41	A02BC05.0 2.01.N1	Esomeprazole	Nhóm 1	40mg	uống	viên bao tan ở ruột	viên	12.500
42	A02BC05.0 2.01.N2	Esomeprazole	Nhóm 2	40mg	uống	viên bao tan ở ruột	viên	3.450
43	A02BC05.0 2.06.N1	Esomeprazole	Nhóm 1	40mg	tiêm/ truyền	thuốc tiêm đông khô	Chai/lọ	26.888
44	A02BC05.0 2.07.N2	Esomeprazole	Nhóm 2	40mg	tiêm/ truyền	thuốc tiêm đông khô	Chai/lọ	20.000
45	A02BC05.0 1.04.N1	Esomeprazole	Nhóm 1	20mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên	8.250
46	A02BC05.0 1.04.N2	Esomeprazole	Nhóm 2	20mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên	2.760
47	C09DA01.0 1.01.N1	Hydrochlorothiazide; Losartan Kali	Nhóm 1	12,5mg; 50mg	Uống	Viên	Viên	5.400
48	C09DA01.0 1.01.N2	Hydrochlorothiazide; Losartan Kali	Nhóm 2	12,5mg; 50mg	Uống	Viên	Viên	3.150
49	J01DH51.0 1.06.N1	Imipenem ; Cilastatin	Nhóm 1	500mg ; 500mg	tiêm/ truyền	thuốc tiêm	Chai/lọ	89.000
50	J01DH51.0 1.06.N2	Imipenem ; Cilastatin	Nhóm 2	500mg ; 500mg	tiêm/ truyền	thuốc tiêm	Chai/lọ	53.000
51	C09CA04.0 1.01.N1	Irbesartan	Nhóm 1	150mg	Uống	Viên	Viên	10.500
52	C09CA04.0 1.01.N2	Irbesartan	Nhóm 2	150mg	Uống	Viên	Viên	720
53	J01MA12.0 1.01.N1	Levofloxacin	Nhóm 1	500mg	uống	viên	viên	16.390
54	J01MA12.0 1.01.N2	Levofloxacin	Nhóm 2	500mg	uống	viên	viên	3.500
55	J01MA12.0 1.06.N1	Levofloxacin	Nhóm 1	500mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Túi	42.000
56	J01MA12.0 1.06.N2	Levofloxacin	Nhóm 2	500mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Túi	40.000
57	C09CA01.0 1.01.N1	Losartan kali	Nhóm 1	100mg	uống	viên	viên	9.450
58	C09CA01.0 1.01.N2	Losartan kali	Nhóm 2	100mg	uống	viên	viên	2.400
59	C09CA01.0 1.01.N1	Losartan Kali	Nhóm 1	50mg	Uống	Viên	Viên	1.321
60	C09CA01.0 1.01.N2	Losartan Kali	Nhóm 2	50mg	Uống	Viên	Viên	500
61	M01AC06. 01.01.N1	Meloxicam	Nhóm 1	7,5mg	uống	viên	viên	5.200
62	M01AC06. 01.01.N2	Meloxicam	Nhóm 2	7,5mg	uống	viên	viên	1.115
63	M01AC06. 02.01.N1	Meloxicam	Nhóm 1	15mg	uống	viên	viên	22.134
64	M01AC06. 02.01.N2	Meloxicam	Nhóm 2	15mg	uống	viên	viên	19.500
65	J01DH02.0 1.06.N1	Meropenem	Nhóm 1	500mg	tiêm/ truyền	thuốc tiêm	Chai/lọ	65.000

1



TT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Đơn giá tạm tính (VND)
66	J01DH02.0 1.06.N2	Meropenem	Nhóm 2	500mg	tiêm/ truyền	thuốc tiêm	Chai/lọ	60.900
67	J01DH02.0 2.06.N1	Meropenem	Nhóm 1	1000mg	tiêm/ truyền	thuốc tiêm	Chai/lọ	147.000
68	J01DH02.0 2.06.N2	Meropenem	Nhóm 2	1000mg	tiêm/ truyền	thuốc tiêm	Chai/lọ	77.450
69	J01MA14.0 1.06.N1	Moxifloxacin	Nhóm 1	400mg	tiêm/ truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Túi	325.000
70	J01MA14.0 1.06.N2	Moxifloxacin	Nhóm 2	400mg	tiêm/ truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Túi	250.000
71	C09CA01.0 1.01.N2	Omeprazole	Nhóm 1	20mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên	1.454
72	A02BC01.0 1.04.N2	Omeprazole	Nhóm 2	20mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên	900
73	A02BC01.0 2.06.N1	Omeprazole	Nhóm 1	40mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Chai/lọ	32.000
74	A02BC01.0 2.06.N2	Omeprazole	Nhóm 2	40mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Chai/lọ	30.980
75	A02BC02.0 1.01.N1	Pantoprazole	Nhóm 1	40mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên	898
76	A02BC02.0 1.01.N2	Pantoprazole	Nhóm 2	40mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên	466
77	A02BC02.0 1.07.N1	Pantoprazole	Nhóm 1	40mg	tiêm/ truyền	thuốc tiêm đông khô	Chai/lọ	68.250
78	A02BC02.0 1.07.N2	Pantoprazole	Nhóm 2	40mg	tiêm/ truyền	thuốc tiêm đông khô	Chai/lọ	21.500
79	N02BE01.0 1.06.N1	Paracetamol	Nhóm 1	1g	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Túi	44.499
80	N02BE01.0 1.06.N2	Paracetamol	Nhóm 2	1g	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Túi	16.800
81	N02AJ13.0 1.01.N1	Paracetamol ; Tramadol hydrochloride	Nhóm 1	325mg ;37,5mg	uống	viên	viên	8.820
82	N02AJ13.0 1.01.N2	Paracetamol ; Tramadol hydrochloride	Nhóm 2	325mg ; 37,5mg	uống	viên	viên	6.900
83	L01BA04.0 1.06.N1	Pemetrexed	Nhóm 1	100mg	tiêm/ truyền	Thuốc tiêm đông khô	Chai/lọ	3.898.650
84	L01BA04.0 1.06.N2	Pemetrexed	Nhóm 2	100mg	tiêm/ truyền	Thuốc tiêm đông khô	Chai/lọ	545.000
85	L01BA04.0 2.06.N1	Pemetrexed	Nhóm 1	500mg	tiêm/ truyền	Thuốc tiêm đông khô	Chai/lọ	16.746.450
86	L01BA04.0 2.06.N2	Pemetrexed	Nhóm 2	500mg	tiêm/ truyền	Thuốc tiêm đông khô	Chai/lọ	920.000
87	N06BX03.0 1.01.N1	Piracetam	Nhóm 1	800mg	uống	viên	viên	1.667
88	N06BX03.0 1.01.N2	Piracetam	Nhóm 2	800mg	uống	viên	viên	1.500
89	N02BF02.0 1.01.N1	Pregabalin	Nhóm 1	75mg	Uống	Viên	Viên	5.244
90	N02BF02.0 1.01.N2	Pregabalin	Nhóm 2	75mg	Uống	Viên	Viên	1.000
91	A02BC04.0 1.04.N1	Rabeprazole Natri	Nhóm 1	20mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên	7.395
92	A02BC04.0 1.04.N2	Rabeprazole Natri	Nhóm 2	20mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên	2.700
93	C10AA07.0 2.01.N1	Rosuvastatin	Nhóm 1	20mg	Uống	Viên	Viên	8.400
94	C10AA07.0 2.01.N2	Rosuvastatin	Nhóm 2	20mg	Uống	Viên	Viên	1.050
95	C10AA07.0 1.01.N1	Rosuvastatin	Nhóm 1	10mg	Uống	Viên	Viên	8.280
96	C10AA07.0 1.01.N2	Rosuvastatin	Nhóm 2	10mg	Uống	Viên	Viên	474
97	C09CA07.0 1.01.N1	Telmisartan	Nhóm 1	40mg	Uống	Viên	Viên	10.349
98	C09CA07.0 1.01.N2	Telmisartan	Nhóm 2	40mg	Uống	Viên	Viên	2.586

TÂN  
SẮM  
NG TH  
C QIA

4

TT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Đơn giá tạm tính (VND)
99	C09CA03.0 1.01.N1	Valsartan	Nhóm 1	80mg	Uống	Viên	Viên	6.000
100	C09CA03.0 1.01.N2	Valsartan	Nhóm 2	80mg	Uống	Viên	Viên	1.415

*[Signature]*

vyhb.vt\_Van thu Vien Y hoc Bien\_04/02/2026 15:47:34





Tên cơ sở y tế:  
Mã cơ sở y tế:  
Tỉnh:

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT NHU CẦU SỬ DỤNG THUỐC THUỘC DANH MỤC ĐẦU THẦU TẬP TRUNG CẤP QUỐC GIA**  
(Kèm theo công văn số **99** /TTMS-NVĐT ngày **04** tháng **02** năm 2026)

TT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Dạng bào chế	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Nhóm TCKT	ĐVT	Số lượng sử dụng từ 01/01/2025-31/12/2025	Số lượng đề xuất năm 1					Số lượng đề xuất năm 2					Tổng cộng 2 năm	Đơn giá tạm tính (đồng)	Thành tiền (đồng)
									Q1	Q2	Q3	Q4	Cộng	Q1	Q2	Q3	Q4	Cộng			
1	J01CR02.02.01.N1	Amoxicilin + Acid Clavulanic	viên	875mg + 125mg	uống	Nhóm 1	Viên														
2	J01CR02.02.01.N2	Amoxicilin + Acid Clavulanic	viên	875mg + 125mg	uống	Nhóm 2	Viên														
3	C10AA05.01.01.N1	Atorvastatin	viên	10mg	uống	Nhóm 1	Viên														
4	C10AA05.01.01.N2	Atorvastatin	viên	10mg	uống	Nhóm 2	Viên														
5	C10AA05.02.01.N1	Atorvastatin	viên	20mg	uống	Nhóm 1	Viên														
...																					
...																					

**Lưu ý:**

- Cơ sở y tế không được thay đổi định dạng (thêm, xóa, ẩn bất kì cột, hàng) hay sửa thông tin thuốc của file mẫu trước khi nạp dữ liệu lên phần mềm.
- Cơ sở y tế dự trữ thuốc nhưng không có số lượng sử dụng của năm trước liền kề phải nhập “x” vào ô “chưa sử dụng” tại file mẫu.
- Cơ sở y tế dự trữ thuốc và có số lượng sử dụng của năm trước liền kề nhưng không có số lượng thanh toán bảo hiểm y tế kì trước phải nhập “x” vào ô “chỉ dùng cho dịch vụ” tại file mẫu.

Người lập biểu  
(Kí và ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị  
(Kí, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Số điện thoại:

Thời điểm in:.....

*[Handwritten signature]*



Tên cơ sở y tế:  
Mã cơ sở y tế:  
Tỉnh:

BIỂU MẪU 02

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG CÁC THUỐC CÓ HOẠT CHẤT, NỒNG ĐỘ, HÀM LƯỢNG CÙNG CÁC THUỐC THUỘC DANH MỤC ĐẦU THẦU TẬP TRUNG CẤP QUỐC GIA**  
(Kèm theo công văn số **99** /TTMS-NVĐT ngày **04** tháng **02** năm 2026)

TT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Dạng bào chế	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Nhóm TCKT	ĐVT	Tổng số lượng dự trữ năm 1	Tình hình sử dụng từ 01/01/2025-31/12/2025		Trong đó: phần thanh toán BHYT		SL tồn kho tại thời điểm dự trữ	SL trong kế hoạch chưa thực hiện tại thời điểm dự trữ	Tỷ lệ dự trữ/ sử dụng (%)	Giải trình
									Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền				
1	J01CR02.02.01.N1	Amoxicilin + Acid Clavulanic	viên	875mg + 125mg	uống	Nhóm 1	Viên									
2	J01CR02.02.01.N2	Amoxicilin + Acid Clavulanic	viên	875mg + 125mg	uống	Nhóm 2	Viên									
3	C10AA05.01.0 1.N1	Atorvastatin	viên	10mg	uống	Nhóm 1	Viên									
4	C10AA05.01.0 1.N2	Atorvastatin	viên	10mg	uống	Nhóm 2	Viên									
5	C10AA05.02.0 1.N1	Atorvastatin	viên	20mg	uống	Nhóm 1	Viên									
...	...															
...	...															
...	...															

Người lập biểu  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị  
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Phiên bản:.....

1

SỞ Y TẾ

BIỂU MẪU 03

**BÁO CÁO TỔNG HỢP NHU CẦU SỬ DỤNG THUỐC THUỘC DANH MỤC ĐẦU THẦU TẬP TRUNG CẤP QUỐC GIA**  
(Kèm theo công văn số **99** /TTMS-NVĐT ngày **04** tháng **02** năm 2026)

TT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Dạng bào chế	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Nhóm TCKT	ĐVT	Số lượng sử dụng từ 01/01/2025-31/12/2025	Số lượng đề xuất năm 1					Số lượng đề xuất năm 2					Tổng cộng 2 năm	Đơn giá tạm tính (đồng)	Thành tiền (đồng)
									Cộng	Q1	Q2	Q3	Q4	Cộng	Q1	Q2	Q3	Q4			
1	J01CR02.02.01.N1	Amoxicilin + Acid Clavulanic	viên	875mg + 125mg	uống	Nhóm 1	Viên														
2	J01CR02.02.01.N2	Amoxicilin + Acid Clavulanic	viên	875mg + 125mg	uống	Nhóm 2	Viên														
3	C10AA05.01.01.N1	Atorvastatin	viên	10mg	uống	Nhóm 1	Viên														
4	C10AA05.01.01.N2	Atorvastatin	viên	10mg	uống	Nhóm 2	Viên														
5	C10AA05.02.01.N1	Atorvastatin	viên	20mg	uống	Nhóm 1	Viên														
...																					

- Lưu ý:**
- Cơ sở y tế không được thay đổi định dạng (thêm, xóa, ẩn bất kỳ cột, hàng) hay sửa thông tin thuốc của file mẫu trước khi nạp dữ liệu lên phần mềm.
  - Cơ sở y tế dự trữ thuốc nhưng không có số lượng sử dụng của năm trước liền kề phải nhập "x" vào ô "chưa sử dụng" tại file mẫu.
  - Cơ sở y tế dự trữ thuốc và có số lượng sử dụng của năm trước liền kề nhưng không có số lượng thanh toán bảo hiểm y tế kì trước phải nhập "x" vào ô "chỉ dùng cho dịch vụ" tại file mẫu.

**Người lập biểu**  
(Kí và ghi rõ họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Kí, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Số điện thoại:

Thời điểm in:.....

Phiên bản:.....





**BÁO CÁO TỔNG HỢP NHU CẦU SỬ DỤNG THUỐC THUỘC DANH MỤC ĐẦU THẦU TẬP TRUNG CẤP QUỐC GIA (CHI TIẾT THEO CƠ SỞ Y TẾ)**  
(Kèm theo công văn số **99** /TTMS-NVĐT ngày **04** tháng **02** năm 2026)

TT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Dạng bào chế	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Nhóm TCKT	ĐVT	Tổng cộng 2 năm	Số lượng đề xuất năm 1					Số lượng đề xuất năm 2					Số lượng sử dụng từ 01/01/2025 - 31/12/2025	Tỉ lệ thanh toán BHYT (%)	Đơn vị dự trù
									Cộng	Q1	Q2	Q3	Q4	Cộng	Q1	Q2	Q3	Q4			
1	J01CR02.02.01.N1	Amoxicilin + Acid Clavulanic	viên	875mg + 125mg	uống	Nhóm 1	Viên														
2	J01CR02.02.01.N2	Amoxicilin + Acid Clavulanic	viên	875mg + 125mg	uống	Nhóm 2	Viên														
3	C10AA05.01.01.N1	Atorvastatin	viên	10mg	uống	Nhóm 1	Viên														
4	C10AA05.01.01.N2	Atorvastatin	viên	10mg	uống	Nhóm 2	Viên														
5	C10AA05.02.01.N1	Atorvastatin	viên	20mg	uống	Nhóm 1	Viên														
...																					

**Lưu ý:**

- Cơ sở y tế không được thay đổi định dạng (thêm, xóa, ẩn bất kì cột, hàng) hay sửa thông tin thuốc của file mẫu trước khi nạp dữ liệu lên phần mềm.
- Cơ sở y tế dự trù thuốc nhưng không có số lượng sử dụng của năm trước liền kề phải nhập “x” vào ô “chưa sử dụng” tại file mẫu.
- Cơ sở y tế dự trù thuốc và có số lượng sử dụng của năm trước liền kề nhưng không có số lượng thanh toán bảo hiểm y tế kì trước phải nhập “x” vào ô “chỉ dùng cho dịch vụ” tại file mẫu.

Người lập biểu  
(Kí và ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị  
(Kí, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Số điện thoại:

Thời điểm in:.....

Phiên bản:.....

*[Handwritten signature]*